

Số: /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi thăm chúc tết Nguyên đán, thăm hỏi ốm đau, trợ cấp đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý, người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Hải Phòng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi thăm chúc tết Nguyên đán, thăm hỏi ốm đau, trợ cấp đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý, người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra số /BC-BPC ngày /12/2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi tặng quà tết Nguyên đán, thăm hỏi ốm đau, trợ cấp đối cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý, người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng

2.1 Đối tượng chức danh, chức vụ, đối tượng khác

a) Đối tượng nghỉ hưu giữ chức danh, chức vụ

- Đối tượng A1: Bí thư Thành uỷ, Phó Bí thư Thành uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố.

- Đối tượng A2: Ủy viên Ban Thường vụ Thành uỷ, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố.

- Đối tượng A3: Thành uỷ viên, cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thành uỷ; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; giám đốc sở; Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng; Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân thành phố, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trưởng tổ chức chính trị - xã hội thành phố; Cấp trưởng các cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương trên địa bàn thành phố nghỉ hưu, cư trú trên địa bàn thành phố; Bí thư đảng uỷ trực thuộc tỉnh, thành uỷ; Bí thư cấp uỷ cấp huyện nghỉ hưu trước ngày 01/7/2025, cư trú trên địa bàn thành phố.

- Đối tượng A4: Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp Thành uỷ; Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; phó giám đốc sở; Phó Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng; Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố; Phó Bí thư Đảng uỷ chuyên trách đảng uỷ các cơ quan Đảng, Đảng uỷ Ủy ban nhân dân thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp thành phố; Bí thư đảng uỷ xã, phường, đặc khu (theo phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử); Cấp phó các cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương trên địa bàn thành phố nghỉ hưu, cư trú trên địa bàn thành phố. Phó bí thư đảng uỷ trực thuộc tỉnh, thành uỷ; Phó bí thư cấp uỷ cấp huyện; Chủ tịch hội đồng nhân dân,

Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện nghỉ hưu trước ngày 01/7/2025, cư trú trên địa bàn thành phố.

- Đối tượng A5: Ủy viên Ủy ban kiểm tra Thành ủy; Phó bí thư đảng ủy, chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (theo phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử) nghỉ hưu, cư trú trên địa bàn thành phố, Ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện; Phó chủ tịch hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện nghỉ hưu trước ngày 01/7/2025, cư trú trên địa bàn thành phố.

- Đối tượng A6: Các chức danh cán bộ khác diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (theo phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử không thuộc đối tượng đã nêu trên) nghỉ hưu, cư trú trên địa bàn thành phố.

b) Đối tượng nghỉ hưu giữ chức danh, chức vụ ngoài thành phố Hải Phòng nhưng thường trú và sinh hoạt đảng trên địa bàn thành phố.

- Đối tượng B1: Lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy, thành ủy công tác ngoài thành phố đã nghỉ hưu, cư trú, sinh hoạt đảng trên địa bàn thành phố.

c) Đối tượng khác

- Câu lạc bộ Bạch Đằng, Câu lạc bộ Trung dũng - Quyết thắng.

- Đối tượng C1: Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; cán bộ Lão thành cách mạng, vợ (hoặc chồng) của cán bộ Lão thành cách mạng đã từ trần cư trú trên địa bàn thành phố.

- Đối tượng C2: Cán bộ Tiên khởi nghĩa; vợ (hoặc chồng) của cán bộ Tiên khởi nghĩa đã từ trần cư trú trên địa bàn thành phố; Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, Giáo sư, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân đã nghỉ hưu (hoặc đã ở tuổi nghỉ hưu theo quy định) cư trú trên địa bàn thành phố.

2.2. Nhóm đối tượng được tặng Huy hiệu Đảng

a) Đối tượng D1: Đảng viên được tặng Huy hiệu từ 80 năm tuổi Đảng trở lên.

b) Đối tượng D2: Đảng viên được tặng Huy hiệu từ 65 năm tuổi Đảng đến dưới 80 tuổi Đảng.

c) Đối tượng D3: Đảng viên được tặng Huy hiệu từ 55 năm tuổi Đảng đến dưới 65 năm tuổi Đảng.

d) Đối tượng D4: Đảng viên được tặng Huy hiệu từ 45 năm tuổi Đảng đến dưới 55 tuổi Đảng.

e) Đối tượng D5: Đảng viên được tặng Huy hiệu từ 30 năm tuổi Đảng đến dưới 45 tuổi Đảng.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc thực hiện tặng quà các đối tượng quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc tổ chức thăm chúc tết Nguyên đán, thăm hỏi ốm đau, trợ cấp (sau đây gọi chung là thăm hỏi, trợ cấp) đối với cán bộ, người có công với cách mạng, nhân sĩ, trí thức yêu nước thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và của thành phố đối với sự cống hiến của cán bộ, người có công với cách mạng trong quá trình làm việc, hoạt động cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố. Cán bộ từ trần được tặng quà tết Nguyên đán trong 01 năm tiếp theo.

2. Việc thăm hỏi, trợ cấp đối với cán bộ, người có công với cách mạng, nhân sĩ, trí thức yêu nước phải đúng đối tượng, phù hợp với quy định của Đảng và Nhà nước; bảo đảm tiếp tục thực hiện tốt chủ trương an sinh xã hội phải đi trước so với tốc độ phát triển kinh tế.

3. Chức vụ, chức danh của cán bộ để thực hiện chế độ chính sách là chức vụ, chức danh hiện tại hoặc ghi tại quyết định nghỉ hưu; trường hợp nếu cán bộ có nhiều chức vụ, chức danh thì thực hiện chế độ chính sách đối với chức vụ, chức danh được hưởng chế độ chính sách cao nhất.

4. Trường hợp đối tượng được tặng quà tết Nguyên đán hằng năm quy định tại Điều 1 Nghị quyết này bị kỷ luật, cách chức các chức vụ trong Đảng hoặc chính quyền, bị tước các danh hiệu thì không được hưởng chế độ tặng quà tết Nguyên đán.

Điều 3. Mức chi tặng quà tết Nguyên đán, thăm hỏi ốm đau, trợ cấp đối cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý, người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Hải Phòng

1. Mức chi quà tết Nguyên đán

- a) Đối tượng A1, A2, B1, C2: mức tặng quà 6.000.000 đồng/đối tượng.
- b) Đối tượng C1: mức tặng quà 7.000.000 đồng/đối tượng.
- c) Đối tượng A3, A4: mức tặng quà 4.000.000 đồng/đối tượng.
- d) Đối tượng A5: mức tặng quà 3.000.000 đồng/đối tượng.
- e) Đối tượng A6, D1: mức tặng quà 2.000.000 đồng/đối tượng.
- f) Đối tượng D2: mức tặng quà 1.000.000 đồng/đối tượng.
- g) Đối tượng D3: mức tặng quà 800.000 đồng/đối tượng.
- h) Đối tượng D4: mức tặng quà 700.000 đồng/đối tượng.
- i) Đối tượng D5: mức tặng quà 600.000 đồng/đối tượng.

2. Mức Khám hỏi ốm đau khi điều trị tại bệnh viện (không quá 02 lần/người/năm):

- a) Bí thư Thành ủy, Phó Bí thư Thành ủy, mức chi: 3.000.000 đồng;
- b) Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố, Phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách đương chức hoặc nghỉ hưu cư trú trên địa bàn thành phố, mức chi: 3.000.000 đồng;
- c) Thành ủy viên, Ủy viên thường trực và Trưởng ban Hội đồng nhân dân thành phố; Trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố; Cấp trưởng cơ quan Trung ương, giám đốc doanh nghiệp (do Ban Thường vụ Thành ủy bổ nhiệm hoặc hiệp y bổ nhiệm) đóng trên địa bàn thành phố; Bí thư xã, phường, đặc khu, đảng ủy trực thuộc Thành ủy, mức chi: 2.000.000 đồng;
- d) Phó ban Hội đồng nhân dân thành phố; phó sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể thành phố; cấp phó cơ quan trung ương, phó giám đốc doanh nghiệp (do Ban Thường vụ Tỉnh ủy bổ nhiệm hoặc hiệp y bổ nhiệm); phó bí thư xã, phường, đặc khu, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, Chủ tịch ủy ban nhân xã, phường, đặc khu, mức chi: 1.500.000 đồng;
- e) Cán bộ khác thuộc diện Thành ủy quản lý (không các đối tượng trên). Cán bộ hoạt động cách mạng trước năm 1945, cán bộ tiền khởi nghĩa Cán bộ có học hàm giáo sư, phó giáo sư, học vị tiến sĩ; anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang; thầy thuốc nhân dân, nhà giáo nhân dân, nghệ sĩ nhân dân; thầy thuốc ưu tú, nhà giáo ưu tú, nghệ sĩ ưu tú, mức chi: 1.000.000 đồng.

3. Trợ cấp khó khăn một lần đối với bệnh hiểm nghèo:

- a) Bí thư Thành ủy, Phó Bí thư Thành ủy mức chi: 50.000.000 đồng;
- b) Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố, mức chi: 30.000.000 đồng;
- c) Thành ủy viên, đại biểu Quốc hội chuyên trách, ủy viên thường trực và trưởng ban Hội đồng nhân dân thành phố; trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố; cấp trưởng cơ quan Trung ương, giám đốc doanh nghiệp (do Ban Thường vụ Thành ủy bổ nhiệm hoặc hiệp y bổ nhiệm) đóng trên địa bàn thành phố; bí thư xã, phường, đặc khu, đảng ủy trực thuộc Thành ủy, mức chi: 10.000.000 đồng;
- d) Phó ban Hội đồng nhân dân thành phố; phó sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể thành phố; cấp phó cơ quan trung ương, phó giám đốc doanh nghiệp (do Ban Thường vụ Tỉnh ủy bổ nhiệm hoặc hiệp y bổ nhiệm); phó bí thư xã, phường, đặc khu, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân xã, phường, đặc khu, mức chi: 10.000.000 đồng;

e) Cán bộ khác thuộc diện Thành uỷ quản lý (không các đối tượng trên), cán bộ hoạt động cách mạng trước năm 1945, cán bộ tiền khởi nghĩa, cán bộ có học hàm giáo sư, phó giáo sư, học vị tiến sĩ; anh hùng lao động, anh hùng lượng lượng vũ trang; thầy thuốc nhân dân, nhà giáo nhân dân, nghệ sĩ nhân dân; thầy thuốc ưu tú, nhà giáo ưu tú, nghệ sĩ ưu tú, mức chi: 10.000.000 đồng.

Điều 4. Nguồn kinh phí và thời gian thực hiện

Nguồn kinh phí thực: Nguồn kinh phí thực hiện chính sách do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm 2025.

2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá , kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ CA, TC;
- TTTU, TT, HĐND TP, UBND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP khoá XVI;
- Các Sở, ngành: TC, TP, CATP;
- KBNN KVIII;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Báo và PTTH HP, Công TTĐT TP;
- CV VP ĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, TCNS.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu